

VN-Index tăng 0,6%

Ngày báo cáo 23/6/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích
research@vietcap.com.vn
 +8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index tăng 0,6%

VN-Index tăng 0,6% (+11,1 điểm) trong ngày thứ Ba, chốt phiên tại 1.869,0 điểm. Nhóm Bất động sản và Ngân hàng thúc đẩy chỉ số trong khi hầu hết các nhóm ngành khác đều giảm điểm. Toàn sàn ghi nhận 103 mã tăng, 212 mã giảm và 61 mã đi ngang. Tổng thanh khoản tăng mạnh so với phiên trước, đạt 31 nghìn tỷ đồng.

- Nhóm Bất động sản được dẫn dắt bởi VIC (+4,2%) và VHM (+0,4%) trong khi VRE (-2,9%), BCM (-1,3%), DXG (-4,2%), KDH (-2,4%) và NVL (-5,0%) giảm điểm.
- Các mã Ngân hàng gồm LPB (+6,9%), TCB (+3,7%), VPB (+2,1%), ACB (+1,6%) và HDB (+1,6%) tăng vọt. VCB và MBB đi ngang.
- Các cổ phiếu Dầu khí gồm BSR (-4,9%), PLX (-2,5%) và PVD (-3,7%) giảm mạnh.
- Các mã giảm điểm đáng chú ý ở các nhóm ngành khác bao gồm công ty Tiện ích GAS (-3,4%), nhà sản xuất cao su GVR (-2,8%), doanh nghiệp thép HPG (-1,3%), các cổ phiếu thuộc nhóm Hàng Tiêu dùng MCH (-1,1%), VPL (-1,5%), MWG (-1,6%) và VJC (-1,4%), cùng các doanh nghiệp Công nghiệp GEE (-1,5%) và GEL (-2,4%).

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1869,0	326,4	127,4
% Δ	0,6%	1,7%	-0,3%
- % Δ 1 tuần	3,4%	2,1%	0,5%
- % YTD	4,7%	30,3%	5,5%
- % YOY	37,6%	43,5%	28,8%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$1.179,1	\$43,0	\$35,6
- TB 1 tháng (triệu)	\$726,9	\$37,1	\$17,8
- TB 1 năm (triệu)	\$1.143,3	\$79,1	\$31,1
- TB QTD	\$859,8	\$45,8	\$20,3
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-28,4%	-41,4%	-42,7%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$1.179,1	\$43,0	\$35,6
- Bán (triệu)	\$726,9	\$37,1	\$17,8
- GT ròng (triệu)	\$1.143,3	\$79,1	\$31,1
Độ rộng TT			
Mã tăng	112	53	122
Mã giảm	210	81	136
Không đổi	103	169	596
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	335,8	19,1	51,2
P/E trượt 12T	13,8	12,2	16,4
LS cổ tức*	2,5%	5,2%	3,4%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	1.991,4	32.398	1.546,0
VN30F2M	2.000,5	277	3,3
VN30F1Q	1.992,9	598	0,7
VN30F2Q	1.987,1	660	4,9
VN100F1M	1.921,0	35	0,3
VN100F2M	1.925,0	1	0,0
VN100F1Q	1.922,4	17	0,0
VN100F2Q	1.925,0	5	0,0
USD/VND		26.319	

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Điểm tin & Nhận định nhanh

- LNST sau lợi ích CĐTS sơ bộ 5T 2026 của FPT tăng 16% YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo
- LPB công bố ông Phạm Nhật Vượng (Chủ tịch VIC) sở hữu 4,9% vốn điều lệ của ngân hàng
- VHC: Màng phi lê đông lạnh tiếp tục duy trì đà tăng trưởng doanh số tích cực trong 5 tháng đầu năm 2026, được dẫn dắt bởi thị trường Mỹ
- VPL hoàn tất đợt phát hành riêng lẻ cổ phiếu ưu đãi cổ tức chuyển đổi trị giá 255 triệu USD cho các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài
- PPC: Kế hoạch lợi nhuận năm 2026 tích cực, nguồn cung than được đảm bảo - Báo cáo ĐHCĐ
- FPT: Xây dựng năng lực AI nội bộ để nắm bắt nhu cầu AI mới nổi và nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị - Nhận định nhanh

Báo cáo trong ngày

- HT1: Hưởng lợi từ đầu tư công - lợi nhuận kỳ vọng tiếp tục phục hồi - Báo cáo Công ty

Quan điểm kỹ thuật

Về mặt kỹ thuật, dù thu hẹp đà tăng về cuối phiên, VN-Index vẫn duy trì dao động trên hỗ trợ MA50 quanh 1.850 điểm, qua đó chưa vi phạm tín hiệu tăng đang có. Với áp lực bán gia tăng trong phiên, chỉ số có thể kiểm định lại vùng hỗ trợ 1.850 điểm trước khi xác nhận khả năng tiếp tục hướng lên vùng kháng cự 1.900-1.930 điểm.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

LNST sau lợi ích CĐTS sơ bộ 5T 2026 của FPT tăng 16% YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo

1. KQKD sơ bộ 5T 2026: Doanh thu đạt 21,4 nghìn tỷ đồng (+11% YoY; hoàn thành 37% dự báo cả năm của chúng tôi) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 4.199 tỷ đồng (+16% YoY; hoàn thành 39% dự báo cả năm của chúng tôi).

2. KQKD theo từng mảng trong 5T 2026:

*** CNTT nước ngoài:** Doanh thu +13% YoY; LNTT +12% YoY.

- Theo loại hình dịch vụ, tăng trưởng chủ yếu được dẫn dắt bởi dịch vụ chuyển đổi số (DX), tăng 26% YoY và đóng góp 49% tổng doanh thu CNTT nước ngoài trong 5T 2026. Trong các dịch vụ DX, doanh thu từ mảng AI & phân tích dữ liệu tăng 67% YoY trong 5T 2026.

- Theo thị trường, Nhật Bản tiếp tục là thị trường đóng góp doanh thu lớn nhất, với tăng trưởng doanh thu 21% YoY trong 5T 2026.

- Doanh thu kỹ mới tăng 31% YoY lên mức 23 nghìn tỷ đồng trong 5T 2026, phục hồi từ mức nền thấp, do doanh thu kỹ mới trong tháng 4-5/2025 từng bị ảnh hưởng bởi việc trì hoãn đàm phán hợp đồng sau thông báo áp thuế đối ứng của Mỹ. Đáng chú ý, tỷ lệ sử dụng nhà máy AI (tại Nhật Bản và Việt Nam) tăng từ khoảng 60% vào cuối năm 2025 lên khoảng 90% vào tháng 6/2026, nhờ ký được các hợp đồng trong mảng này có quy mô lớn.

*** CNTT trong nước:** Doanh thu +15% YoY; LNTT +120% YoY. Chúng tôi cho rằng tăng trưởng doanh thu chủ yếu đến từ nhu cầu khu vực công. Theo truyền thông, các dự án nổi bật trong 5T 2026 bao gồm: (1) ra mắt Cơ sở dữ liệu về các Cơ sở trợ giúp xã hội của Sở Y tế TP.HCM vào tháng

3/2026, và (2) Bộ Tư pháp chính thức triển khai Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (phiên bản nâng cấp) cùng Hệ thống thông tin hỗ trợ rà soát toàn diện văn bản quy phạm pháp luật vào tháng 4/2026.

*** Giáo dục, Đầu tư & Khác:** Doanh thu giảm 5% YoY trong 5T 2026, phản ánh tác động trễ từ việc tổng số người học giảm 8% tại cuối năm 2025 so với cuối năm 2024 (do số lượng tuyển sinh mới đi ngang và công ty ghi nhận số lượng lớn người học tốt nghiệp/bỏ học trong năm 2025). Trong khi đó, LNTT vẫn ghi nhận mức tăng 21% YoY, nhờ được hỗ trợ bởi phần đóng góp từ các công ty liên kết (chủ yếu từ FPT Telecom và FPT Retail).

3. Quan điểm của chúng tôi:

* KQKD sơ bộ 5T 2026 nhìn chung phù hợp với dự phóng năm 2026 hiện tại của chúng tôi, do đó chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể nào đối với các dự báo hiện tại, dù cần thêm đánh giá toàn diện hơn.

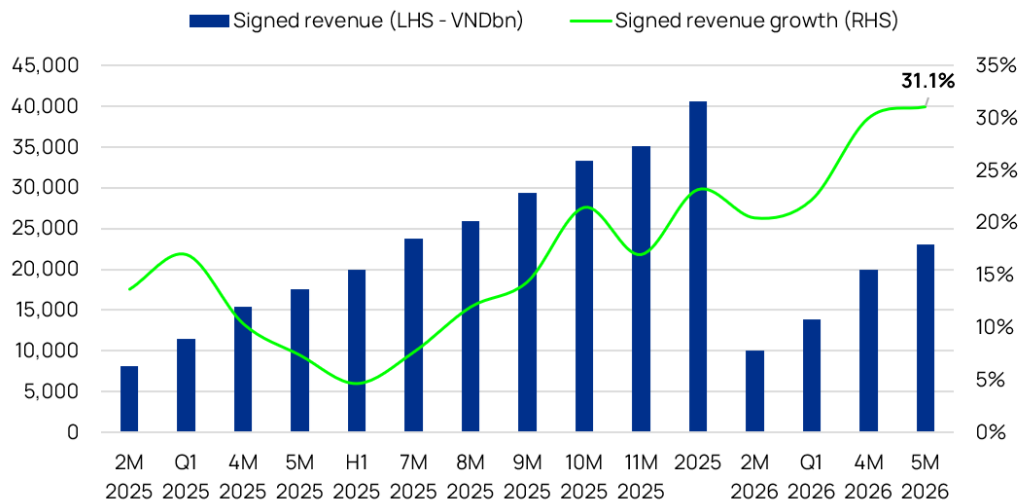
* Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với FPT, với giá mục tiêu là 90.300 đồng/cổ phiếu.

Hình 1: KQKD sơ bộ 5T 2026 của FPT

Tỷ đồng	5T 2025*	5T 2026	YoY	5T 2026/ Dự báo năm 2026
Doanh thu	19.333	21.384	11%	37%
Công nghệ	16.574	18.758	13%	36%
- CNTT nước ngoài	13.766	15.519	13%	38%
- CNTT trong nước	2.808	3.239	15%	31%
Giáo dục, Đầu tư & Khác	2.759	2.625	-5%	43%
LNTT	4.015	4.726	18%	39%
Công nghệ	2.321	2.681	16%	38%
- CNTT nước ngoài	2.236	2.494	12%	38%
- CNTT trong nước	85	187	120%	33%
Giáo dục, Đầu tư & Khác	1.694	2.045	21%	41%
LNST sau lợi ích CĐTS	3.613	4.199	16%	39%

Nguồn: FPT, Vietcap (*Điều chỉnh của FPT để so sánh trên cơ sở tương đương, bao gồm việc ghi nhận FPT Telecom theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Hình 2: Doanh thu ký mới theo tháng mảng CNTT nước ngoài của FPT



Nguồn: FPT, Vietcap

LPB công bố ông Phạm Nhật Vượng (Chủ tịch VIC) sở hữu 4,9% vốn điều lệ của ngân hàng

* Theo thông tin công bố của Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (LPB), ông Phạm Nhật Vượng hiện sở hữu 146,2 triệu cổ phiếu LPB, tương đương 4,894% tổng số cổ phiếu đang lưu hành, tính đến ngày 23/06/2026. Dựa trên dữ liệu giao dịch thỏa thuận, chúng tôi cho rằng ông Vượng đã mua số cổ phiếu này cũng trong ngày 23/06/2026, với mức giá 46.000 đồng/cổ phiếu, tương đương tổng giá trị giao dịch khoảng 6,7 nghìn tỷ đồng. Ngoài ra, theo thông tin báo chí trong nước, đây là khoản đầu tư cá nhân của ông Vượng do đang có nguồn tiền nhàn rỗi, và ông không có ý định tham gia kinh doanh hay điều hành trong lĩnh vực ngân hàng.

VHC: Mảng phi lê đông lạnh tiếp tục duy trì đà tăng trưởng doanh số tích cực trong 5 tháng đầu năm 2026, được dẫn dắt bởi thị trường Mỹ

* CTCP Vĩnh Hoàn (VHC) đã công bố kết quả kinh doanh 5 tháng đầu năm 2026 (5T 2026) với doanh thu đạt 5,9 nghìn tỷ đồng (tăng 22% YoY) nhờ được hỗ trợ bởi mức tăng 23% YoY của mảng phi lê đông lạnh và các sản phẩm liên quan. Kết quả này hoàn thành 40% dự báo cả năm, chủ yếu nhờ kết quả khả quan trong tháng 4 và tháng 5, qua đó giúp đưa KQKD tiệm cận hơn với dự báo của chúng tôi, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết.

* Doanh số tháng 5 tiếp tục được hỗ trợ bởi mức tăng mạnh của mảng phi lê đông lạnh (+41% YoY), chủ yếu nhờ kết quả doanh số tích cực tại thị trường Mỹ. Chúng tôi cũng ghi nhận đà tăng trưởng mạnh từ nhóm sản phẩm phụ (+102% YoY), qua đó phản ánh xu hướng gia tăng của giá thức ăn thủy sản. Theo Agromonitor, giá thức ăn thủy sản đã tăng liên tục trong 5 tháng, và tính đến tháng 5, giá thức ăn thủy sản đã cao hơn 8% so với mức được ghi nhận vào cuối năm 2025. Xu hướng này nhìn chung phù hợp với đà tăng của giá đầu vào nông nghiệp trong bối cảnh bất ổn địa chính trị, đồng thời phản ánh hoạt động đẩy mạnh thả nuôi và cho ăn trước giai đoạn cao điểm của mùa vụ. Trong khi đó, mảng collagen và gelatin (C&G) cũng bắt đầu ghi nhận xu hướng tích cực trong tháng 5 (+86% MoM nhưng vẫn giảm 17% YoY), nhìn chung phù hợp với kỳ vọng trước đó của ban lãnh đạo về khả năng phục hồi từ tháng 5, sau khi thị trường EU ghi nhận lượng tồn kho cao do hoạt động tích trữ quá mức trong quý 1/2026.

* Về KQKD tại các thị trường xuất khẩu trong 5T 2026, Mỹ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính (+42% YoY), với doanh thu xuất khẩu trong tháng 5 đã đạt đến mức bình quân của năm 2022, nhờ được hỗ trợ bởi nhu cầu tái tích trữ hàng tồn kho trong các tháng trước sau giai đoạn tồn kho thấp.

Tuy nhiên, trong tương lai, chúng tôi nhận thấy một số dấu hiệu cho thấy đà tăng có thể chậm lại, khi sản lượng xuất khẩu sang Mỹ của VHC trong tháng 5 đã giảm mạnh 40% YoY sau giai đoạn tích lũy tồn kho trước đó (theo Agromonitor). Điều này có thể dẫn đến việc ghi nhận doanh thu thấp hơn trong các tháng tới do độ trễ giữa thời điểm xuất hàng và ghi nhận doanh thu. Bên cạnh đó, thuế quan theo Mục 301 sắp tới có thể ảnh hưởng đến triển vọng đơn hàng trong ngắn hạn. Ở một diễn biến khác, thị trường EU đã ghi nhận mức tăng trưởng khiêm tốn 3% YoY trong 5T 2026, với sự cải thiện rõ nét hơn trong tháng 5 (+10% YoY, +25% MoM), trong bối cảnh ngày càng thắt chặt của nguồn cung cá thịt trắng toàn cầu. Thị trường Trung Quốc cũng ghi nhận mức tăng trưởng tích cực 17% YoY trong 5T 2026, trong đó riêng tháng 5 tăng mạnh (+50% YoY, +182% MoM), chủ yếu nhờ mức nền thấp của cùng kỳ. Đồng thời, các thị trường khác cũng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ (+38% YoY).

Doanh thu tháng 5/2026 của VHC

Tỷ đồng	T05/2026	YoY	MoM	5T 2026	YoY
Doanh thu	1.737	44%	39%	5.930	22%
*Theo mảng					
Collagen và gelatin	79	-17%	86%	319	0%
Phi lê đông lạnh và sản phẩm liên quan	1.658	50%	37%	5.611	23%
- Phi lê đông lạnh	968	41%	30%	3.257	24%
- Sản phẩm phụ (bột cá và mỡ cá)	336	102%	96%	1.027	39%
- Sản phẩm giá trị gia tăng	10	-2%	-44%	72	38%
- Khác	344	41%	23%	1.255	11%
*Theo thị trường					
Mỹ	633	46%	19%	2.122	42%
Châu Âu	268	10%	25%	1.025	3%
Trung Quốc	163	50%	182%	431	17%
Khác	272	81%	59%	886	38%
Việt Nam	401	50%	44%	1.467	7%

Nguồn: VHC, Vietcap

VPL hoàn tất đợt phát hành riêng lẻ cổ phiếu ưu đãi cổ tức chuyển đổi trị giá 255 triệu USD cho các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài

* Vào ngày 23/06/2026, VIC thông báo VPL đã hoàn tất đợt phát hành riêng lẻ cổ phần ưu đãi cổ tức chuyển đổi (CDPS) trị giá 255 triệu USD cho các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài, bao gồm (1) SeaTown Private Credit Master Fund III (thuộc SeaTown Holdings International) và (2) Viac (No. 1) Limited Partnership (thuộc Quỹ Đầu tư Việt Nam Oman - VOI).

* Giao dịch này nhìn chung phù hợp với phương án đã được các cổ đông của VPL thông qua tại ĐHCD tháng 4/2026 nhằm huy động tối đa 8,0 nghìn tỷ đồng thông qua cấu trúc này.

* Các điều khoản chính:

- Loại chứng khoán: Cổ phần ưu đãi cổ tức chuyển đổi (CDPS)

- Giá phát hành: 80.000 đồng/cổ phiếu
- Lợi suất cổ tức: 6%/năm, tính trên giá phát hành
- Quyền biểu quyết: Không có
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: 1 năm
- Điều khoản chuyển đổi: CDPS có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của VPL tại bất kỳ thời điểm nào sau khi phát hành theo yêu cầu của cổ đông sở hữu CDPS, với giá chuyển đổi là 80.000 đồng/cổ phiếu và tỷ lệ chuyển đổi là 1:1.
- Nguồn vốn thu được chủ yếu được sử dụng nhằm mục đích tài trợ cho việc phát triển/kinh doanh các dự án VinWonders Vũ Yên, VinWonders Mỹ Lâm - Tuyên Quang, Sheraton Vinh, cũng như bổ sung vốn lưu động.

PPC: Kế hoạch lợi nhuận năm 2026 tích cực, nguồn cung than được đảm bảo - Báo cáo ĐHCĐ

* Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của CTCP Nhiệt điện Phả Lại (PPC) vào ngày 23/06/2026. Nhìn chung, ban lãnh đạo đưa ra kế hoạch lợi nhuận năm 2026 tích cực, phản ánh triển vọng lạc quan hơn về nhu cầu điện. Chúng tôi dự kiến không có điều chỉnh đáng kể đối với dự báo của mình, do kế hoạch lợi nhuận nhìn chung phù hợp với dự báo năm 2026 của chúng tôi. Về dài hạn, quyết định mở rộng công suất nhiệt điện than của ban lãnh đạo cho thấy tiềm năng, mặc dù các chi tiết quan trọng của dự án, bao gồm quy mô đầu tư, cấu trúc tài chính và tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR), vẫn cần được nghiên cứu thêm.

* Cổ đông đã thông qua kế hoạch năm 2026 với doanh thu đạt 8,1 nghìn tỷ đồng (+23% so với thực hiện năm 2025; -11% so với kế hoạch năm 2025; tương đương 101% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và LNTT báo cáo đạt 402 tỷ đồng (+106% so với thực hiện năm 2025; +2% so với kế hoạch năm 2025; tương đương 103% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ dự kiến chủ yếu được thúc đẩy bởi sản lượng kế hoạch đạt 4,45 tỷ kWh (+22% so với thực hiện năm 2025; -1% so với kế hoạch năm 2025; tương đương 103% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và thu nhập cổ tức cao hơn, khi các công ty liên kết QTP và HND dự kiến sẽ chi trả cổ tức đầy đủ trong năm 2026. Trong giai đoạn 2019-2025, lợi nhuận thực tế của PPC trung bình đạt 128% so với kế hoạch đề ra. Ngoài ra, kế hoạch LNTT báo cáo cao hơn 117% so với kế hoạch trước đó là 185 tỷ đồng, được đặt ra trong báo cáo thường niên phát hành vào tháng 4/2025. Chúng tôi cho rằng điều này phản ánh kỳ vọng về khả năng xuất hiện El Nino.

* Cổ đông đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận năm 2025 của PPC ở mức 450 đồng/cổ phiếu (lợi suất lợi tức 4,7%), thấp hơn dự báo của chúng tôi là 500 đồng/cổ phiếu. Đối với năm 2026, PPC đặt kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền mặt ở mức 600 đồng/cổ phiếu (lợi suất lợi tức 6,2%), cao hơn kế hoạch trước đó là 450 đồng/cổ phiếu nhưng thấp hơn dự báo của chúng tôi là 800 đồng/cổ phiếu. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

FPT: Xây dựng năng lực AI nội bộ để nắm bắt nhu cầu AI mới nổi và nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị - Nhận định nhanh

Chúng tôi đã tham dự hội nghị nhà đầu tư trực tuyến của CTCP FPT (FPT) với chủ đề Navigating the AI Era vào ngày 23/06/2026, trong đó ban lãnh đạo đã thảo luận về tác động mang tính chuyển đổi của AI đối với mảng dịch vụ CNTT toàn cầu và định vị chiến lược của FPT nhằm nắm bắt các cơ hội mới nổi. Hội nghị bao gồm ba phần trình bày và một phiên hỏi đáp.

1. Dịch vụ CNTT trong kỷ nguyên AI:

* **Triển vọng chi tiêu CNTT nước ngoài:** Theo Gartner (công ty nghiên cứu và tư vấn công nghệ toàn cầu), chi tiêu CNTT toàn cầu dự kiến tăng trưởng với CAGR 8,5% trong giai đoạn 2025-2030,

đạt 2,6 nghìn tỷ USD vào năm 2030, trong khi chi tiêu cho dịch vụ AI được kỳ vọng tăng trưởng nhanh hơn đáng kể ở mức CAGR 23,6% để đạt 1,3 nghìn tỷ USD. Tăng trưởng được thúc đẩy bởi (1) sự xuất hiện của các danh mục chi tiêu AI mới, và (2) phát triển phần mềm được hỗ trợ bởi AI, giúp giảm chi phí cung cấp dịch vụ và mở rộng phạm vi các ứng dụng khả thi.

*** FPT cho rằng AI củng cố nhu cầu thuê công ty cung cấp dịch vụ CNTT vì 3 lý do.** Thứ nhất, lợi thế về quy mô trở nên ngày càng có giá trị hơn khi các nhà cung cấp tối ưu hóa không chỉ nhân sự mà còn cả kỹ sư AI, tác nhân AI, hạ tầng tính toán và mức tiêu thụ token. Thứ hai, các công ty dịch vụ CNTT dẫn đầu có lợi thế thông qua điều phối mô hình, định tuyến khối lượng công việc và tài sản AI có thể tái sử dụng, tạo ra hiệu ứng về chi phí, hiệu suất và mạng lưới. Thứ ba, các doanh nghiệp tiếp tục ưu tiên thuê ngoài nhờ mô hình chi phí biến đổi, khả năng mở rộng, bảo mật, quản trị và giảm thiểu phụ thuộc vào nhà cung cấp.

2. Chuyển đổi AI & khung CASAN:

*** Khung CASAN của FPT xác định lộ trình ứng dụng AI từ giai đoạn thử nghiệm đến vận hành AI-native theo năm giai đoạn.** Bắt đầu với “Curious”, nơi các cá nhân khám phá công cụ AI một cách độc lập, tiếp theo là “Augmented”, nơi các công cụ AI được phê duyệt được sử dụng để nâng cao năng suất cá nhân. Tiếp đó chuyển sang “Standard”, nơi AI trở thành năng lực cấp doanh nghiệp được hỗ trợ bởi quản trị, chuẩn dữ liệu chung và các tài sản có thể tái sử dụng với ROI rõ ràng. Ở giai đoạn “Automated”, các tác nhân AI bắt đầu thực thi các quy trình làm việc được lựa chọn. Cuối cùng, ở giai đoạn “Native”, doanh nghiệp thiết kế lại toàn diện các quy trình xoay quanh sự cộng tác giữa AI và con người, với AI được nhúng sâu như một lớp vận hành cốt lõi trong toàn tổ chức. Khung này giúp doanh nghiệp tránh hai sai lầm phổ biến: (1) coi AI copilots là chuyển đổi AI toàn diện, hoặc (2) triển khai các tác nhân tự động mà không có sự chuẩn bị về quản trị và dữ liệu.

*** AI giúp FPT nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị dịch vụ CNTT.** Trong các dự án chuyển đổi hệ thống lớn, kiến thức trọng yếu thường bị phân tán trên nhiều nguồn như mã nguồn, tài liệu, ticket và các chuyên gia cấp cao, khiến quá trình bàn giao theo phương thức truyền thống trở nên chậm và rủi ro. AI có thể trích xuất và cấu trúc hóa nguồn kiến thức phân tán này thành một “hệ thống sống”, cải thiện khả năng quan sát phụ thuộc và cho phép chuyển giao kiến thức giữa các nhóm và ngôn ngữ khác nhau. Điều này giúp khuếch đại, thay vì thay thế, vai trò của các chuyên gia cấp cao bằng cách cho phép họ xác nhận và nhân rộng chuyên môn của mình cho các tổ chức cung cấp dịch vụ lớn hơn. Khi AI giảm bớt công sức trong cung cấp dịch vụ thông thường, FPT có thể điều phối lại nguồn lực sang các mảng hiện đại hóa kiến trúc phức tạp, trí tuệ theo ngành và quản trị AI, từng bước tiến đến các hợp đồng mang tính chiến lược hơn và hướng đến kết quả đầu ra.

*** Quá trình chuyển đổi nội bộ của FPT dựa trên 4 trụ cột.** Thứ nhất, thiết lập nền tảng CASAN để mỗi đơn vị kinh doanh (kỹ thuật, bán hàng, nhân sự, tài chính, v.v.) áp dụng lộ trình CASAN và các trường hợp sử dụng (use case) phù hợp. Thứ hai, xây dựng lực lượng lao động AI-native, nơi nhân viên sử dụng AI như một năng lực mặc định, được hỗ trợ bởi các vai trò mới như kỹ sư điều phối/kiểm soát, kỹ sư ngữ cảnh, và kỹ sư xác thực/kiểm định. Thứ ba, có hệ thống tạo ra các tài sản AI có thể tái sử dụng từ mỗi lần triển khai nội bộ. Thứ tư, đảm bảo kết quả đo lường được trên các khía cạnh tốc độ, chất lượng, mức độ áp dụng và tác động kinh doanh. Chuyển đổi nội bộ cũng trở thành lợi thế khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Các kinh nghiệm từ việc ứng dụng CASAN trên các chức năng của FPT được sàng lọc qua một lớp quản trị để đảm bảo chỉ những mô hình đã được kiểm chứng, bảo mật và có thể tái sử dụng mới được thương mại hóa. Điều này tạo ra một vòng quay tích lũy: ứng dụng AI nội bộ tạo ra tài sản trí tuệ (IP), cải thiện hiệu suất cung cấp dịch vụ và củng cố các đề xuất cho khách hàng, từ đó tiếp tục thúc đẩy quá trình xây dựng năng lực.

[Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Tóm tắt báo cáo trong ngày

HT1: Hướng lợi từ đầu tư công - lợi nhuận kỳ vọng tiếp tục phục hồi - Báo cáo Công ty

Ngành	Xi măng		2023	2024	2025	2026F
Ngày báo cáo	23/6/2026	Tăng trưởng DT	-21,0%	-2,3%	7,0%	15,4%
Giá hiện tại	13.750 VND	Tăng trưởng EPS**	-99,5%	N.M.	217,4%	107,8%
Lợi suất cổ tức*	2%	Biên LN gộp	8,6%	9,4%	12,5%	12,2%
* dựa trên cổ tức 2025		Biên LN ròng	0,3%	0,9%	3,7%	4,7%
		EV/EBITDA	7,6x	7,0x	6,4x	4,6x
		ROE	0,4%	1,2%	5,4%	7,6%
		P/E**	N.M.	115,4x	51,6x	20,7x
GT vốn hóa	5,2 nghìn tỷ đồng			<u>HT1</u>	<u>Peers</u>	<u>VNI</u>
Room KN	2,5 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)***		14,5x	16,2x	14,9x
GTGD/ngày (30n)	1,8 tỷ đồng	P/B (hiện tại)		1,0x	0,6x	2,1x
Cổ phần Nhà nước	80%	ROE (trượt)		7,2%	4,3%	15,1%
SL cổ phiếu lưu hành	381,6 triệu	ROA (trượt)		4,5%	2,3%	2,2%
		điều chỉnh cho quỹ khen thưởng & phúc lợi, *chưa điều chỉnh cho quỹ khen thưởng & phúc lợi				

* Lợi nhuận 2024-2025 cho thấy dấu hiệu phục hồi từ đáy 2023 nhờ (1) sản lượng tiêu thụ tăng khi nhu cầu xi măng & clinker phục hồi, (2) chi phí đầu vào hạ nhiệt. Trong khi đó, cạnh tranh gay gắt vẫn tiếp tục tạo áp lực lên giá bán & chi phí hoạt động.

* Năm 2026, chúng tôi dự báo **tổng doanh thu gộp đạt 9,2 nghìn tỷ đồng (+15% svck)**. **Mảng xi măng & clinker tiếp tục là động lực tăng trưởng chính** (đóng góp 98% doanh thu gộp 2026), trong khi mảng BOT duy trì tăng trưởng ổn định (+14% svck).

* Cụ thể, doanh thu xi măng & clinker dự báo được hỗ trợ bởi (1) sản lượng tiêu thụ tăng 10% svck nhờ nhu cầu nội địa tiếp tục phục hồi, và (2) giá bán tăng 5% svck nhờ khả năng HT1 chuyển một phần chi phí đầu vào cao hơn sang khách hàng.

* Dù áp lực cạnh tranh dự báo duy trì, **LNST-CĐTTS 2026** kỳ vọng tăng 45% svck nhờ (1) **giá bán xi măng tăng**, giúp bù đắp một phần chi phí đầu vào tăng, và (2) khả năng cải thiện hiệu quả hoạt động - chủ yếu nhờ **giảm chi phí điện** (xem trang 11).

* HT1 đang giao dịch ở mức P/E trượt 12T là 14,5 lần. Chúng tôi tin rằng nền tảng sinh lời tích cực cùng cơ cấu nợ vay an toàn sẽ là những động lực cốt lõi giúp định giá của HT1 tiếp tục gia tăng khi bức tranh toàn ngành bước vào chu kỳ phục hồi. HT1 cũng có lịch sử trả cổ tức tiền mặt đều đặn với DPS/EPS trung bình 86% từ 2021-2025. Chúng tôi dự báo HT1 sẽ giữ mức cổ tức tiền mặt tương đương trong 2026.

* Rủi ro đầu tư: (1) Chi phí đầu vào biến động bất lợi, (2) Sản lượng tiêu thụ thấp hơn dự kiến (xem trang 15).

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GT VH tr USD	GTGD/30N tr USD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	83%	58	0,0	10.900	25.500	134%	0,0%	134%	KQ	17/01/25	30,9	7,3	13,2	0,9
KDH	Bất động sản	25%	936	3,6	21.950	42.600	94%	0,0%	94%	MUA	11/05/26	24,8	16,3	18,6	1,3
SZC	KCN	19%	154	0,6	22.550	42.400	88%	4,4%	92%	KQ	01/07/25	12,8	11,5	18,6	1,3
DGC	Công nghiệp	44%	729	1,7	50.500	91.200	81%	5,9%	87%	MUA	02/03/26	6,7	6,4	13,2	1,2
NLG	Bất động sản	10%	474	1,9	25.700	45.800	78%	1,9%	80%	MUA	11/05/26	15,0	18,3	18,6	1,0
TV2	Điện & Nước	7%	73	0,2	28.600	49.000	71%	3,5%	75%	MUA	22/04/26	32,5	11,4	11,9	1,5
HVN	Hàng không	22%	2.666	0,7	22.550	37.100	65%	0,0%	65%	KQ	22/07/25	9,6	8,1	23,0	6,8
BMI	Bảo hiểm	23%	82	0,1	14.350	23.100	61%	3,5%	64%	MUA	12/04/24	9,6	5,7	12,6	0,7
VGC	KCN	48%	732	0,6	42.950	66.800	56%	5,1%	61%	MUA	11/05/26	14,4	12,1	13,5	2,2
PVT	Dầu khí	36%	392	2,4	19.950	30.800	54%	5,0%	59%	MUA	13/03/26	9,4	6,5	11,9	1,2
PVS	Dầu khí	33%	735	3,7	37.800	60.000	59%	0,0%	59%	MUA	08/05/26	13,3	13,0	15,6	1,3
PLC	Dầu khí	49%	64	0,1	20.900	31.900	53%	4,8%	57%	MUA	12/09/25	124,4	6,7	13,2	1,4
HDG	Điện & Nước	33%	325	1,1	21.050	32.900	56%	0,0%	56%	MUA	23/03/26	12,5	10,3	18,6	1,3
HPG	VLXD	27%	7.475	17,4	23.300	35.400	52%	1,9%	54%	MUA	12/05/26	13,0	7,7	15,2	1,4
NVL	Bất động sản	44%	1.123	8,9	12.300	18.600	51%	0,0%	51%	MUA	18/06/26	15,2	19,9	18,6	0,6
DCM	Phân bón	41%	720	3,3	35.800	51.000	42%	7,0%	49%	MUA	25/05/26	10,5	6,5	13,2	1,7
IDC	KCN	33%	593	2,0	41.100	58.000	41%	7,3%	48%	MUA	04/06/26	8,2	8,0	18,6	2,3
MCH	Bán lẻ	85%	6.251	1,8	127.100	181.700	43%	4,7%	48%	PHTT	28/11/25	24,6	21,5	14,1	9,6
MBB	Ngân hàng	1%	7.590	11,4	24.800	36.000	45%	2,0%	47%	MUA	21/05/26	7,5	6,2	12,5	1,4
CTG	Ngân hàng	5%	10.034	9,1	34.000	50.000	47%	0,0%	47%	MUA	15/05/26	8,7	7,5	12,5	1,4
PTB	Công nghiệp	9%	140	0,1	36.800	52.000	41%	5,7%	47%	KQ	06/10/25	4,9	6,4	15,2	1,1
VPB	Ngân hàng	6%	8.004	15,5	26.550	38.000	43%	1,9%	45%	MUA	18/05/26	8,8	6,8	12,5	1,2
ACG	Gỗ	12%	189	0,0	33.000	45.800	39%	5,2%	44%	MUA	15/07/25	10,4	8,2	15,2	1,1
SIP	KCN	47%	462	0,8	50.200	69.800	39%	4,0%	43%	MUA	22/12/25	10,0	9,4	18,6	2,2
MSN	Bán lẻ	75%	3.928	14,8	71.500	101.200	42%	0,0%	42%	MUA	21/05/25	25,2	24,3	11,9	2,8
KBC	KCN	41%	1.056	3,0	29.500	40.400	37%	3,4%	40%	MUA	01/06/26	13,2	11,5	18,6	1,1
FRT	Bán lẻ	17%	833	2,9	128.800	180.100	40%	0,0%	40%	MUA	17/06/26	27,6	19,2	11,3	4,9
PNJ	Bán lẻ	1%	1.268	2,4	65.200	88.900	36%	3,1%	39%	MUA	12/05/26	12,7	10,0	8,9	2,3

HDC	Bất động sản	47%	134	0,8	15.350	21.400	39%	0,0%	39%	KQ	09/01/26	5,5	11,3	18,6	1,2
TCB	Ngân hàng	1%	8.630	18,2	32.050	42.600	33%	2,2%	35%	MUA	11/05/26	9,0	7,8	12,5	1,3
NT2	Điện & Nước	38%	249	0,5	22.800	28.800	26%	8,8%	35%	MUA	28/05/26	6,8	6,2	12,0	1,3
SSI	Chứng khoán	68%	2.552	14,7	26.850	35.100	31%	3,7%	34%	MUA	08/12/25	16,5	14,8	17,8	1,7
MWG	Bán lẻ	0%	4.240	15,0	76.000	101.000	33%	1,3%	34%	MUA	14/10/25	15,8	13,4	11,3	3,2
REE	Điện & Nước	0%	1.198	0,8	50.600	66.900	32%	2,0%	34%	MUA	22/04/26	12,5	11,0	11,9	1,5
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.329	1,2	47.800	59.000	23%	10,5%	34%	MUA	06/01/26	14,3	13,6	14,1	2,8
TLG	Văn phòng phẩm	89%	180	0,1	49.100	61.900	26%	7,1%	33%	MUA	12/09/25	10,5	8,0	8,9	2,0
QTP	Điện & Nước	-1%	200	0,1	11.800	14.600	24%	8,5%	32%	MUA	10/12/25	5,2	8,1	12,0	0,9
DXG	Bất động sản	31%	600	4,9	12.450	16.400	32%	0,0%	32%	MUA	06/04/26	68,2	71,3	18,6	1,1
FPT	CNTT	20%	4.583	30,7	70.800	90.300	28%	3,2%	31%	MUA	08/06/26	13,6	12,0	18,0	3,1
HDB	Ngân hàng	6%	4.878	14,0	25.650	33.000	29%	1,9%	31%	MUA	06/03/26	7,1	6,1	12,5	1,6
PVD	Dầu khí	41%	654	3,7	30.950	40.300	30%	0,0%	30%	MUA	09/04/26	19,1	15,4	15,6	1,0
GMD	GTVT	8%	1.238	3,3	76.400	95.500	25%	3,3%	28%	MUA	25/05/26	20,7	13,5	11,9	2,4
DPM	Phân bón	46%	594	2,5	23.000	28.000	22%	6,5%	28%	PHTT	25/05/26	17,6	9,7	13,2	1,3
DPG	Điện & Nước	30%	174	0,4	38.600	48.900	27%	1,6%	28%	MUA	11/06/26	11,9	12,4	13,5	1,6
VCB	Ngân hàng	10%	19.462	10,9	61.300	78.500	28%	0,0%	28%	MUA	18/05/26	15,8	13,3	12,5	2,2
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	51%	4.638	6,4	58.400	70.300	20%	6,8%	27%	MUA	24/04/25	13,0	13,9	14,1	3,7
BVH	Bảo hiểm	22%	1.831	1,0	64.900	81.000	25%	1,6%	26%	MUA	11/06/26	17,4	13,0	12,6	1,9
POW	Điện & Nước	45%	1.667	4,9	14.300	18.000	26%	0,0%	26%	MUA	29/05/26	18,3	15,2	12,0	1,2
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	81%	466	0,5	58.500	71.600	22%	3,4%	26%	MUA	26/01/26	9,6	7,4	14,1	1,2
ACB	Ngân hàng	5%	4.929	29,6	22.350	27.100	21%	3,1%	24%	MUA	21/05/26	7,4	6,5	12,5	1,3
GEX	Điện & Nước	43%	1.506	15,3	30.300	37.300	23%	1,1%	24%	MUA	30/12/25	25,9	29,0	11,9	2,1
DHC	Công nghiệp	15%	135	0,3	33.450	40.100	20%	3,9%	24%	MUA	16/12/25	8,2	8,0	15,2	1,5
BMP	VLXD	19%	455	0,6	146.400	163.000	11%	10,6%	22%	MUA	17/06/26	9,9	9,4	13,5	3,8
GAS	Dầu khí	47%	7.234	4,4	78.900	93.600	19%	3,2%	22%	MUA	14/04/26	17,0	15,5	12,0	2,8
DXS	Bất động sản	43%	160	0,5	7.250	8.800	21%	0,0%	21%	KQ	11/06/26	12,3	10,7	18,6	0,6
PPC	Điện & Nước	45%	117	0,0	9.630	11.000	14%	5,2%	19%	KQ	10/12/25	19,0	9,5	12,0	0,7
BWE	Điện & Nước	47%	372	0,3	44.500	51.600	16%	2,9%	19%	MUA	13/05/26	11,5	12,3	12,0	1,6
DGW	Bán lẻ	25%	329	1,2	39.100	45.400	16%	2,6%	19%	KQ	18/06/26	15,8	13,4	11,3	2,4

BID	Ngân hàng	12%	11.798	7,2	42.650	50.500	18%	0,0%	18%	MUA	21/05/26	11,2	10,4	12,5	1,7
TPB	Ngân hàng	7%	1.702	9,4	16.150	18.600	15%	3,1%	18%	MUA	20/05/26	6,1	5,8	12,5	1,0
VRE	Bất động sản	37%	2.573	6,1	29.800	34.200	15%	3,4%	18%	PHTT	29/05/26	10,5	12,2	18,6	1,4
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	678	0,2	48.600	53.400	10%	8,2%	18%	KQ	30/08/24	9,3	7,0	14,1	1,7
CTR	CNTT	44%	365	1,5	84.000	96.800	15%	1,8%	17%	KQ	14/04/26	16,0	13,7	13,5	4,3
AST	DV Hàng không	3%	124	0,0	72.300	80.600	11%	4,8%	16%	MUA	26/08/25	13,0	12,6	11,3	4,7
VIB	Ngân hàng	1%	2.082	7,4	16.100	18.500	15%	0,0%	15%	KQ	23/05/25	7,5	6,2	12,5	1,1
PHR	Công nghiệp	36%	330	1,0	64.000	71.300	11%	2,1%	13%	MUA	25/03/26	20,1	9,2	13,2	2,0
SCS	DV Hàng không	21%	182	0,3	50.000	51.200	2%	11,0%	13%	PHTT	13/01/26	6,3	6,8	23,0	2,9
VTP	GTVT	45%	418	1,0	63.900	71.800	12%	0,0%	12%	PHTT	25/05/26	26,7	31,8	11,9	6,3
PLX	Xăng dầu	6%	1.820	4,7	37.700	41.100	9%	3,2%	12%	MUA	13/10/25	19,6	16,4	15,6	1,9
BSR	Lọc hóa dầu	48%	4.776	9,3	25.100	27.000	8%	2,8%	10%	PHTT	18/03/26	24,2	7,7	15,6	1,8
NKG	VLXD	45%	224	0,8	11.950	13.100	10%	0,0%	10%	PHTT	18/04/25	27,1	9,2	15,2	0,8
ACV	Hàng không	47%	6.078	1,0	44.500	48.000	8%	0,0%	8%	PHTT	18/05/26	14,2	14,1	11,9	2,2
F88	Tài chính TT	42%	663	0,9	78.100	84.000	8%	0,0%	8%	KQ	21/01/26	23,9	17,4	#N/A	7,1
TDM	Điện & Nước	49%	247	0,4	58.500	60.600	4%	2,2%	6%	KQ	13/05/26	33,6	32,6	12,0	2,4
STB	Ngân hàng	18%	5.136	16,5	71.700	73.500	3%	0,0%	3%	PHTT	18/05/26	25,1	22,6	12,5	2,2
VHM	Bất động sản	42%	24.347	29,4	156.000	153.700	-1%	3,8%	2%	PHTT	29/05/26	15,3	11,7	18,6	2,4
VEA	Ô-tô	48%	1.779	0,3	35.200	30.800	-13%	13,7%	1%	PHTT	28/10/25	6,4	6,6	11,9	1,6
OIL	Dầu khí	6%	534	1,0	13.400	12.700	-5%	0,7%	-4%	KQ	17/10/25	32,7	29,6	15,6	1,3
HSG	VLXD	45%	360	1,5	11.750	10.400	-11%	4,3%	-7%	PHTT	18/04/25	15,1	16,2	15,2	0,8
GVR	Công nghiệp	12%	5.099	3,1	33.550	30.500	-9%	1,2%	-8%	KQ	31/12/25	25,2	22,0	13,2	2,3
VJC	Hàng không	24%	4.018	26,7	137.500	114.000	-17%	0,0%	-17%	KQ	15/03/24	38,3	15,4	23,0	4,1
LPB	Ngân hàng	4%	5.970	19,2	52.600	39.300	-25%	1,9%	-23%	KKQ	18/11/25	13,9	14,5	12,5	3,2
VIC	Bất động sản	45%	67.052	65,0	229.000	110.000	-52%	0,0%	-52%	BÁN	12/06/26	150,7	64,9	18,6	11,9

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
					P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	53	137.989	2.604	20	14,5	11,4	9,7	15,2	1,7	21,4	16,8	12,5	1,8	3,2%
KHẢ QUAN	16	17.445	1.090	3	14,9	15,6	12,0	17,0	2,3	23,9	18,6	13,9	2,5	2,0%
PHÙ HỢP TT	12	52.719	4.393	2	19,1	15,9	12,3	17,0	2,3	26,1	17,8	14,2	2,8	4,2%
KÉM KHẢ QUAN	1	5.970	5.970	0	17,0	13,9	14,5	10,4	3,2	17,0	13,9	14,5	3,2	1,9%
BÁN	1	<u>67.052</u>	<u>67.052</u>	1	<u>143.1</u>	<u>150.7</u>	<u>64.9</u>	<u>72.4</u>	11,9	<u>143.1</u>	<u>150.7</u>	<u>64.9</u>	<u>11.9</u>	0,0%
TỔNG CỘNG	83	281.175	3.388	26	19,6	16,2	13,1	17,0	2,3	23,9	18,7	13,6	2,2	3,0%

	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
					P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	90.217	7.518	11	11,8	10,2	8,8	12,8	1,6	11,4	10,7	9,5	1,6	1,3%
Bảo hiểm	2	1.913	956	1	22,0	16,8	12,3	21,2	1,8	16,6	13,5	9,4	1,3	2,6%
Chứng khoán	1	2.552	2.552	1	21,5	16,5	14,8	21,5	1,7	21,5	16,5	14,8	1,7	3,7%
Tài chính thay thế	1	663	663	0	49,0	23,9	17,4	25,7	7,1	49,0	23,9	17,4	7,1	0,0%
Tiêu dùng	13	27.285	2.099	4	17,6	15,2	14,0	19,8	3,3	22,3	15,4	13,2	3,3	4,9%
CNTT	1	4.583	4.583	1	16,6	13,6	12,0	17,4	3,1	16,6	13,6	12,0	3,1	3,2%
Bất động sản	9	97.398	10.822	2	62,0	39,4	27,8	26,2	4,6	39,7	35,3	26,3	2,4	1,0%
Vật liệu	4	8.514	2.129	1	16,4	13,0	8,0	19,0	1,4	14,3	16,3	10,6	1,7	4,2%
Điện & Nước	12	6.472	539	1	22,5	14,5	13,5	17,4	1,4	28,1	16,6	13,9	1,4	3,0%
Dầu khí	10	17.522	1.752	2	25,0	18,2	11,2	21,4	1,9	35,5	28,8	12,7	1,5	3,3%
Công nghiệp	5	1.251	250	0	8,1	7,2	6,8	12,0	1,2	12,5	12,2	7,3	1,2	4,1%
Khu công nghiệp	7	<u>8.425</u>	<u>1.204</u>	1	<u>24.0</u>	<u>17.5</u>	<u>15.1</u>	<u>19.5</u>	<u>2.0</u>	<u>23.7</u>	<u>14.9</u>	<u>11.9</u>	<u>1.9</u>	<u>3.9%</u>
GTVT & Logistics	7	14.724	2.103	1	14,2	15,9	12,7	18,0	3,1	18,5	18,4	14,6	4,2	2,7%
TỔNG CỘNG	84	281.518	3.351	26	19,7	16,2	13,1	17,0	2,3	23,9	18,7	13,6	2,2	3,0%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

*FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q1 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS Q1 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	17%	14%	MUA	MUA	Nền tảng vững chắc, chuyển đổi đóng vai trò then chốt cho đà tăng trưởng dài hạn
BID	13%	8%	MUA	KQ	Tăng trưởng tín dụng quý 1/2026 tương đối tốt nhưng NIM gây thất vọng
CTG	65%	17%	MUA	MUA	NIM tiếp tục hồi phục tốt; chất lượng tài sản được duy trì vững chắc
HDB	19%	17%	KQ		ROE cao nhờ tăng trưởng tín dụng mạnh và tối ưu quản trị chi phí; áp lực hiện hữu lên NIM
LPB	-10%	-4%	KKQ		Khởi đầu năm tương đối chậm với kết quả NIM và chất lượng tài sản thấp hơn kỳ vọng
MBB	14%	20%	MUA	MUA	Khả năng sinh lời cao với tiềm năng tái định giá
STB	-43%	11%	KQ	PHTT	Quá trình làm sạch bảng cân đối kế toán tiếp tục gây áp lực lên lợi nhuận quý 1/2026; áp lực dự phòng hạ nhiệt theo quý nhưng vẫn tăng mạnh YoY
TCB	12%	15%	MUA	MUA	Năng lực triển khai hiệu quả các trụ cột kinh doanh chính sẽ thúc đẩy đà tăng trưởng lợi nhuận bất chấp các yếu tố vĩ mô bất lợi
TPB	0%	5%	MUA	MUA	Kết quả quý 1/2026 đạt kỳ vọng với tăng trưởng tín dụng khả quan nhưng NIM giảm, chất lượng tài sản suy yếu
VCB	10%	19%	MUA	MUA	Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ với NIM tiếp tục phục hồi
VIB	16%	22%	KQ		NIM tiếp tục giảm; thu nhập ngoài lãi thúc đẩy lợi nhuận
VPB	59%	29%	MUA	MUA	Chính sách hỗ trợ và nền tảng vốn vững chắc giúp thúc đẩy triển vọng đầu tư
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	-12%	68%	MUA		
BVH	17%	33%	KQ	MUA	Bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng vượt trội; thu nhập tài chính vững mạnh, mức dự phòng kỹ thuật thấp hỗ trợ khả năng sinh lời
SSI	52%	-7%	MUA		Lợi nhuận quý 1/2026 phù hợp với kỳ vọng nhờ doanh thu môi giới và cho vay kỳ quỹ cải thiện
F88	125%	37%	KQ		KQKD đang vượt kỳ vọng nhờ tăng trưởng cho vay mạnh mẽ dù trong mùa thấp điểm quý 1
Tiêu dùng					
CTR	23%	17%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS tăng 23% YoY nhờ tăng trưởng doanh thu mạnh từ mảng xây dựng
DGW	88%	17%	PHTT	KQ	LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 tăng trưởng mạnh 89% YoY nhờ tăng trưởng doanh thu ở tất cả các mảng
FPT	14%	14%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 tăng 14% YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo
FRT	71%	44%	MUA	MUA	Long Châu duy trì tăng trưởng vững chắc; FPT Shop tiếp tục ghi nhận lãi ròng
MSN (2)	101%	42%	MUA		Lợi nhuận tăng mạnh nhờ tăng trưởng toàn diện của mảng tiêu dùng - bán lẻ và giá khoáng sản lập đỉnh lịch sử

MCH	12%	15%	PHTT		Retail Supreme, chiến lược đổi mới và các ngành hàng phụ trợ thúc đẩy mục tiêu tăng trưởng hai chữ số
MWG	76%	18%	MUA		LNST quý 1 tăng 80% YoY, doanh thu DMX tăng mạnh 33% YoY, biên lợi nhuận ròng BHX đạt 2.9%
PNJ	117%	26%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS tăng mạnh 117% YoY; doanh thu bán lẻ tăng 22% YoY trong quý 1/2026
QNS	0%	33%	KQ		Triển vọng mảng sửa chữa vật khả quan bù đắp cho chu kỳ giảm của ngành đường
SAB	51%	5%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS phục hồi 49% YoY sau năm 2025 đầy biến động
TLG	19%	20%	MUA		Kế hoạch năm 2026 thận trọng dù KQKD quý 1 tích cực
VEA	38%	-1%	PHTT		Lợi nhuận quý 1 tăng mạnh 38% YoY, phù hợp với kỳ vọng
VHC	38%	25%	MUA		Giá bán trung bình (ASP) xuất khẩu tăng giúp cải thiện biên lợi nhuận, nhưng lợi nhuận vẫn thấp hơn so với dự báo
VNM	25%	6%	MUA		Năng lực cạnh tranh mạnh, triển vọng tăng trưởng một chữ số trong năm 2026
GTVT & Logistics					
ACV	-5%	3%	PHTT		Chất lượng lợi nhuận duy trì ổn định dù có sự thay đổi cơ cấu; Lợi nhuận mảng an ninh được tái phân loại thành khoản mục riêng
AST	85%	6%	MUA		KQKD quý 1 tích cực; đà tăng trưởng khách quốc tế và kế hoạch mở rộng góp phần hỗ trợ tiềm năng tăng đối với dự báo
GMD (2)	32%	30%	MUA	MUA	Kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ trong năm 2026, định giá vẫn hấp dẫn
HVN	-8%	19%	PHTT		Lợi nhuận quý 1 vượt kỳ vọng nhờ đòn bẩy kinh doanh mạnh mẽ; biên lợi nhuận bình thường hóa đáng kể QoQ, rủi ro giá nhiên liệu đang được đánh giá
SCS	2%	-6%	PHTT		KQKD quý 1 khiêm tốn do tác động từ căng thẳng Trung Đông trong tháng 3
VJC	58%	N.A	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS tăng 58% YoY; mảng vận tải quốc tế dẫn dắt đà tăng trưởng
VTP	-30%	-16%	PHTT	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTS giảm 44% YoY do giá nhiên liệu tăng mạnh và chi phí SG&A cao
Bất động sản					
DXG	-37%	-4%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 giảm so với cùng kỳ khi lợi ích cổ đông thiểu số tăng cao và biên lợi nhuận giảm
DXS	374%	15%	KQ	KQ	Khối lượng giao dịch ổn định dự kiến sẽ thúc đẩy đà tăng trưởng của lợi nhuận
HDC	277%	-51%	KQ		KQKD quý 1 tăng mạnh so với cùng kỳ từ mức nền thấp nhờ hoạt động bàn giao BĐS cải thiện
NVL	N.M.	-23%	MUA	MUA	Dự án Aqua City dự kiến dẫn dắt đà phục hồi mạnh mẽ của doanh số bán bất động sản
KDH	130%	52%	MUA	MUA	Định giá hấp dẫn, lợi nhuận bước vào chu kỳ tăng trưởng
NLG	-51%	-18%	MUA	MUA	Doanh số bán BĐS tăng tốc thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận cốt lõi
VHM	850%	31%	KQ	PHTT	Hoạt động bán lô lớn sẽ là động lực thúc đẩy tăng trưởng năm 2026
VIC	2%	132%	BÁN	BÁN	Doanh số bán BĐS và sản lượng bàn giao xe điện mạnh mẽ; Chủ tịch duy trì hỗ trợ; đòn bẩy tài chính dự kiến giảm nhờ tách mảng sản xuất VinFast

VRE	36%	-14%	KQ	PHTT	Hoạt động cho thuê bán lẻ ổn định sẽ hỗ trợ đà tăng trưởng của lợi nhuận cốt lõi trong năm 2026
Khu công nghiệp					
GVR	90%	15%	KQ		Lợi nhuận quý 1/2026 khả quan nhờ mảng cao su và thu nhập khác ròng cao hơn; vượt kỳ vọng của chúng tôi
IDC	-21%	3%	MUA	MUA	Quý đất lớn và các dự án sắp mở bán sẽ thúc đẩy đà tăng trưởng của lợi nhuận
KBC	-77%	15%	MUA	MUA	Doanh số bàn giao đất KCN duy trì tốt giúp hỗ trợ tăng trưởng 2026/27
PHR	192%	118%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 gấp ba lần YoY nhờ ghi nhận tiền đền bù tăng, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi
SIP	-5%	6%	MUA		Lợi nhuận quý 1 giảm nhẹ so với cùng kỳ do thu nhập tài chính thấp hơn; phù hợp với kỳ vọng
SZC	-88%	11%	KQ		Lợi nhuận giảm mạnh do thay đổi phương pháp kế toán; dòng tiền từ KCN vẫn ổn định trong quý 1
Vật liệu & Công nghiệp					
ACG (2)	32%	26%	MUA		Doanh thu quý 1/2026 vượt kỳ vọng nhờ doanh số trong nước khả quan; lợi nhuận cốt lõi phù hợp với dự báo
BMP	6%	5%	MUA	MUA	Lợi nhuận năm 2026 tiếp tục duy trì ở mức cao, cổ tức tiền mặt cao, định giá hấp dẫn
DGC	-50%	23%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 giảm 49% YoY; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
DHC	53%	3%	MUA		Triển vọng nửa đầu năm khả quan nhờ giá giấy thuận lợi và OCC giá thấp; lạm phát chi phí là rủi ro chính trong nửa cuối năm
HPG	169%	68%	MUA	MUA	Lợi nhuận năm 2026 dự kiến tăng mạnh nhờ việc ghi nhận khoản lãi một lần và KQKD tích cực của mảng thép
HSG (1)	-42%	-5%	PHTT		Lợi nhuận cốt lõi và biên lợi nhuận quý 2 phục hồi nhờ giá thép tăng do căng thẳng Trung Đông, nhưng vẫn thấp hơn so với dự báo
NKG	-66%	202%	PHTT		KQKD quý 1 yếu khi lợi nhuận từ HĐKD tiếp tục ghi nhận lỗ; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
PTB	10%	-19%	KQ		KQKD mảng gỗ và BĐS vượt kỳ vọng; tiềm năng tăng đối với dự báo năm 2026
STK	-167%	231%	KQ		Lỗ ròng trong quý 1 do sản lượng yếu và áp lực chi phí từ Unitex; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
Điện & Nước					
BWE (2)	20%	-8%	MUA	MUA	KQKD mảng nước khả quan nhưng vẫn có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo
GEX	5%	-10%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi tăng mạnh nhờ mảng thiết bị điện và VLXD, tuy nhiên bị ảnh hưởng bởi mức chi phí tài chính cao
HDG	-68%	22%	KQ		Khoản dự phòng cho dự án Infra 1 làm át việc ghi nhận doanh thu tại Charm Villas, rủi ro giảm đối với dự báo
NT2	395%	-16%	MUA	MUA	LNST dự kiến tăng khoảng 5 lần YoY từ nền thấp của quý 1/2025; rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ
PC1	227%	N/A	N/A		LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo tăng gấp 3.3 lần YoY nhờ hoạt động bán BĐS và khoản thu từ việc thoái vốn
POW	170%	20%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 1/2026 tăng gần gấp 3 lần YoY, tương đương ~50% dự báo cả năm của chúng tôi với tiềm năng tăng

PPC	83%	99%	KQ		LNST cốt lõi quý 1 yếu cho thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với năm 2026
QTP	14%	-35%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 tăng 14% YoY nhờ chênh lệch giá cải thiện và chi phí khấu hao giảm
REE	17%	17%	MUA		Lợi nhuận tăng trưởng trên tất cả các mảng, nhìn chung phù hợp kỳ vọng
TDM (2)	-61%	-7%	KQ	KQ	LNST từ hoạt động sản xuất nước trong quý 1 năm 2026 đạt 17% dự báo cả năm, có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo lợi nhuận.
TV2	91%	184%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 tăng gần gấp đôi YoY, khoản trả trước lớn từ khách hàng củng cố triển vọng doanh thu EPC cao trong năm 2026
DPG	7%	-4%	MUA	MUA	Doanh số bán BĐS thấp hơn kỳ vọng, rủi ro giảm đối với dự báo lợi nhuận
VGC	-33%	12%	MUA		Doanh số cho thuê KCN tích cực củng cố tiềm năng tăng đối với dự báo
Dầu khí					
BSR	1970%	215%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 tăng mạnh nhờ đà tăng trưởng của sản lượng và mức crack spread tích cực; KQKD vượt kỳ vọng của chúng tôi
DCM (2)	91%	61%	MUA	MUA	Tồn kho cao cuối Q1 hỗ trợ KQKD Q2; có tiềm năng tăng nhẹ đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS
DPM	96%	82%	PHTT	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTS tăng gấp đôi YoY trong quý 1, kỳ vọng kết quả mạnh mẽ hơn trong quý 2
GAS	7%	10%	MUA		Lợi nhuận quý 1 ghi nhận tăng trưởng nhờ sự gia tăng của sản lượng, phù hợp với dự báo
OIL (2)	1958%	39%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 1 tăng mạnh nhờ lợi nhuận từ hàng tồn kho và đà tăng trưởng sản lượng tích cực; kết quả vượt kỳ vọng
PLX (2)	-754%	19%	MUA		Giá sản phẩm xăng dầu điều chỉnh giảm mạnh, kích hoạt trích lập dự phòng hàng tồn kho, dẫn đến khoản lỗ trong quý 1/2026
PLC	-68%	834%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 bị kéo giảm bởi mảng hóa chất bất chấp mức tăng trưởng tích cực của mảng nhựa đường và dầu nhờn; KQKD nhìn chung thấp hơn dự báo của chúng tôi
PVD (2)	277%	55%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 1 tăng gấp 3.7 lần YoY nhờ KQKD tích cực của mảng khoan và dịch vụ giếng khoan; phù hợp với kỳ vọng
PVS (2)	33%	7%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 1 tăng 33% YoY nhờ mức tăng mạnh của biên lợi nhuận gộp mảng M&C; phù hợp kỳ vọng
PVT (2)	32%	49%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 tăng 48% YoY nhờ giá cước vận tải dầu tăng, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.869,0	11,1
VN 30	1.995,1	15,0
VN Mid	2.120,2	-29,1
VNSmall	1.340,8	-6,9

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	326,4	5,3
HNX30	512,9	-12,1
VNX Allshare	2.992,0	17,4

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	127,4	-0,3

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	11.937,3	38,5%
Khối ngoại mua	4.275,2	13,8%
Khối ngoại bán	2.762,8	8,9%
Tổng giao dịch	31.032,1	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	11,2	1,0%
Khối ngoại mua	45,7	4,0%
Khối ngoại bán	140,1	12,4%
Tổng giao dịch	1.132,6	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	543,1	58,0%
Khối ngoại mua	4,6	0,5%
Khối ngoại bán	3,3	0,4%
Tổng giao dịch	936,2	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
TVS	900	7,0%
LPB	3.400	6,9%
VIC	9.200	4,2%
YEG	360	4,2%
TCB	1.150	3,7%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
THD	17.600	9,8%
VIT	2.100	9,4%
PGS	1.700	3,4%
CAP	700	1,5%
PCH	200	1,0%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
TSJ	3.450	14,1%
VGR	6.901	6,6%
VIW	578	2,1%
BVB	263	1,9%
FOC	1.317	1,9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PET	-3.800	-6,9%
LDG	-240	-6,8%
PVP	-1.100	-5,8%
NVL	-650	-5,0%
BSR	-1.300	-4,9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PVS	-1.800	-4,6%
SHS	-700	-3,7%
CEO	-500	-3,3%
PVC	-300	-2,2%
PSI	-200	-2,2%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VTR	-456	-3,9%
TVN	-302	-2,6%
TIN	-2.900	-2,3%
VBB	-326	-2,3%
C4G	-141	-2,1%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
LPB	7.934
VIC	3.262
VHM	1.038
TCB	952
SHB	902

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	410
PVS	148
CEO	137
MBS	122
IDC	57

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
LSG	374
HNM	83
BVB	79
TSJ	78
ABB	45

Cổ phiếu KLGĐ nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
LPB	171.167.355	10.896.167
BWE	1.805.312	155.331
SBG	3.458.090	501.045
TLD	1.454.435	266.212
TVS	317.967	59.682
TNT	1.447.243	273.798
NAB	11.144.127	2.616.549
ORS	13.618.528	3.273.015
PVP	1.736.349	556.253
GEG	1.292.983	417.272

Cổ phiếu KLGĐ nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
TTH	359.910	111.273
NDN	396.012	139.753
SVN	977.740	436.898
TD6	99.001	51.511
TNG	871.487	465.454
MBG	319.907	179.480
PPT	486.606	285.271
TVC	466.953	275.821
VHE	523.652	320.840
PVS	3.858.516	2.487.139

Cổ phiếu KLGĐ nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
BDT	595.931	91.984
C4G	662.129	170.367
AAH	806.162	271.406
BVB	5.648.737	2.005.406
AMS	679.600	259.693
DRI	1.019.704	473.887
AAS	1.414.590	831.910
BIG	495.716	296.917
KVC	204.412	130.132
HNG	3.800.552	2.423.663

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.749,1		13,7	2,1	17,4
TCX	4.574,2	90,5	19,7	2,7	14,4
VCK	3.090,0	96,4	18,7	2,7	19,1
SSI	2.551,6	68,3	12,5	1,7	13,9
VPX	1.937,8	95,8	12,0	1,5	14,0
VIX	1.592,0	92,2	5,6	1,9	25,6

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	594,6		11,9	1,5	13,3
BVH	1.830,5	21,8	16,3	1,9	12,1
PVI	669,3	43,1	13,3	2,0	15,4
BIC	180,0	7,3	10,0	1,4	14,9
VNR	151,7	22,8	8,5	1,0	11,6
MIG	141,4	83,5	11,4	1,4	12,4

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.839,2		18,9	3,6	22,6
ACV	6.078,2	47,2	15,0	2,2	15,7
MVN	2.637,1	0,0	29,6	4,7	16,9
GEE	2.195,1	48,9	17,1	7,5	45,2
VEA	1.779,3	47,6	6,1	1,6	26,3
GEX	1.506,4	42,5	26,6	2,1	8,8

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.682,8		15,9	4,2	27,3
MCH	6.251,2	84,6	23,8	9,6	40,3
VNM	4.637,5	51,2	11,9	3,7	31,7
MSN	3.928,1	75,2	21,9	2,8	14,4
SAB	2.329,4	41,4	12,7	2,8	22,0
PNJ	1.267,7	0,8	9,2	2,3	28,0

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.703,5		15,2	1,4	11,5
BSR	4.775,4	47,7	9,6	1,8	21,5
PLX	1.820,0	6,0	26,9	1,9	7,0
PVS	734,5	32,9	10,0	1,3	13,1
PVD	653,7	40,9	14,5	1,0	7,1
OIL	533,8	6,4	15,2	1,3	8,6

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.376,7		13,4	2,1	17,0
GAS	7.233,6	46,9	16,4	2,8	17,3
POW	1.666,9	45,4	12,8	1,2	9,2
REE	1.197,6	0,0	12,0	1,5	12,8
PGV	998,9	50,0	6,0	1,4	26,2
DNH	786,4	0,0	19,7	3,9	19,3

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	19.903,7		181,2	7,4	24,2
VIC	67.049,7	45,0	152,0	11,9	8,0
VHM	24.345,8	42,5	9,9	2,4	27,8
THD	2.890,5	48,9	728,7	17,1	2,4
KSF	2.659,8	50,0	5,5	4,0	68,2
VRE	2.572,9	37,0	9,9	1,4	14,6

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.585,0		9,5	1,6	17,6
VCB	19.461,3	9,8	14,3	2,2	16,1
BID	11.797,4	12,4	9,7	1,7	18,4
CTG	10.033,7	5,2	6,9	1,4	21,9
TCB	8.629,3	0,7	8,7	1,3	15,6
VPB	8.003,6	6,0	8,0	1,2	16,4

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.584,8		30,3	4,6	49,8
VPL	6.166,4	47,1	64,4	4,3	6,9
MWG	4.240,3	0,0	13,7	3,2	25,4
VJC	4.018,0	23,7	41,8	4,1	10,1
HVN	2.665,9	21,7	7,4	6,8	181,3
FRT	833,4	17,4	24,0	4,9	25,1

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.682,8		15,9	4,2	27,3
HPG	6.251,2	27,4	23,8	9,6	40,3
GVR	4.637,5	12,4	11,9	3,7	31,7
MSR	3.928,1	99,5	21,9	2,8	14,4
KSV	2.329,4	0,0	12,7	2,8	22,0
DGC	1.267,7	44,2	9,2	2,3	28,0

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.703,5		15,2	1,4	11,5
DHG	4.775,4	46,0	9,6	1,8	21,5
IMP	1.820,0	5,2	26,9	1,9	7,0
DHT	734,5	9,3	10,0	1,3	13,1
DVN	653,7	0,0	14,5	1,0	7,1
DBD	533,8	83,7	15,2	1,3	8,6

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.376,7		13,4	2,1	17,0
FPT	7.233,6	20,3	16,4	2,8	17,3
CMG	1.666,9	13,4	12,8	1,2	9,2
SAM	1.197,6	48,5	12,0	1,5	12,8
SGT	998,9	-5,5	6,0	1,4	26,2
ELC	786,4	46,8	19,7	3,9	19,3

Nguồn: Fiiipro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

See important disclosure at the end of this document

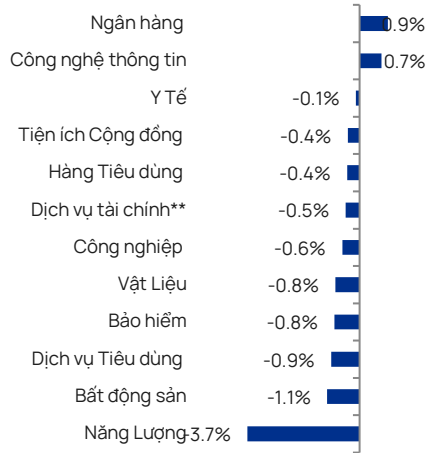
www.vietcap.com.vn

23/6/2026 | 18

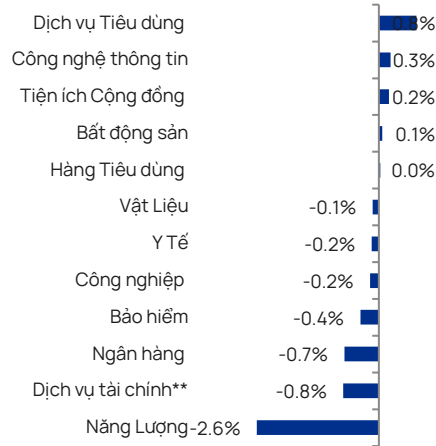
Diễn biến hằng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh (HSX)

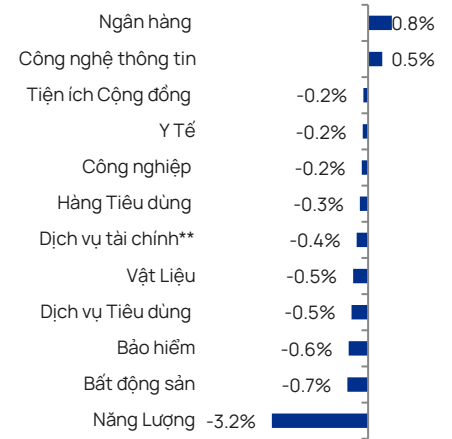


Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



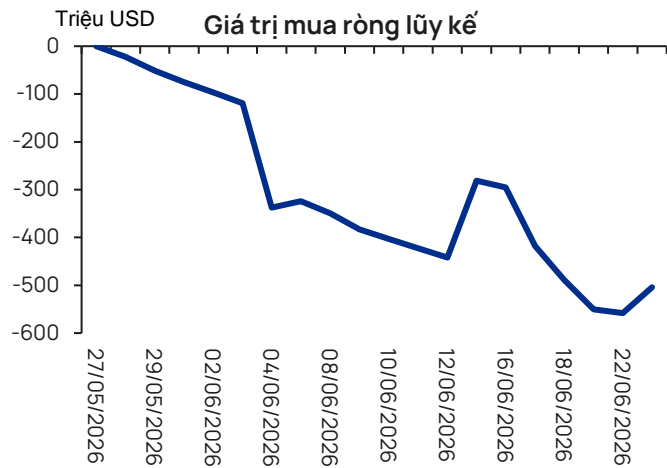
Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày

(HSX, HNX, UPCOM)

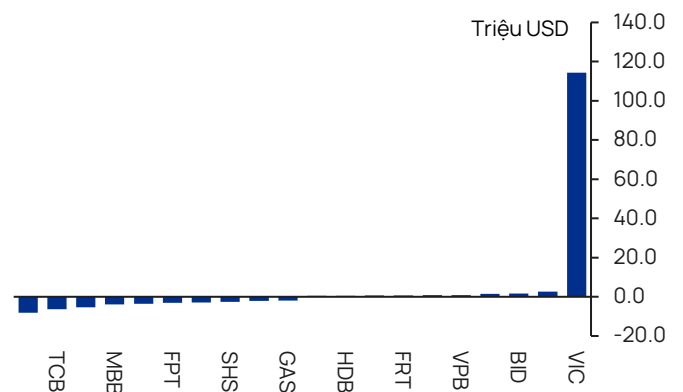


Nguồn: HSX, HNX, Fiiipro

** ngoại trừ ngân hàng

Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất

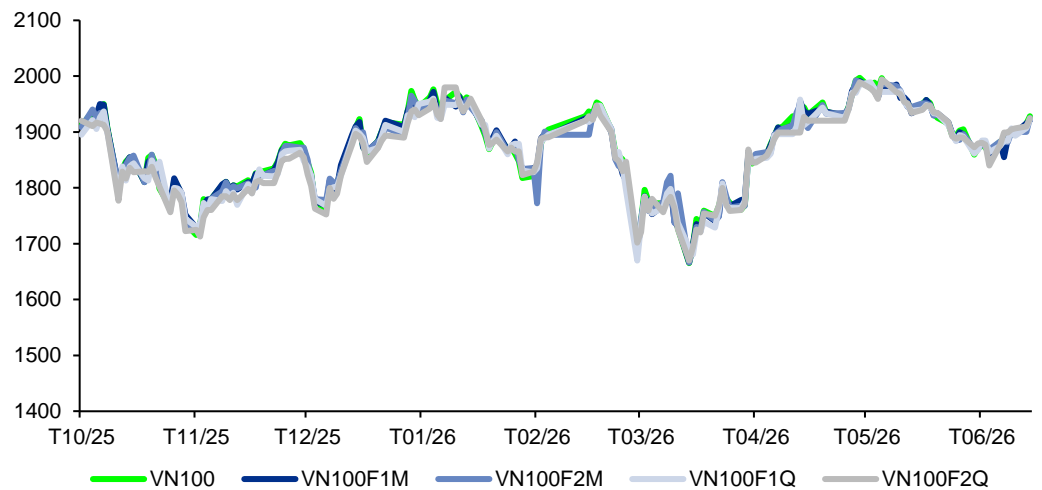
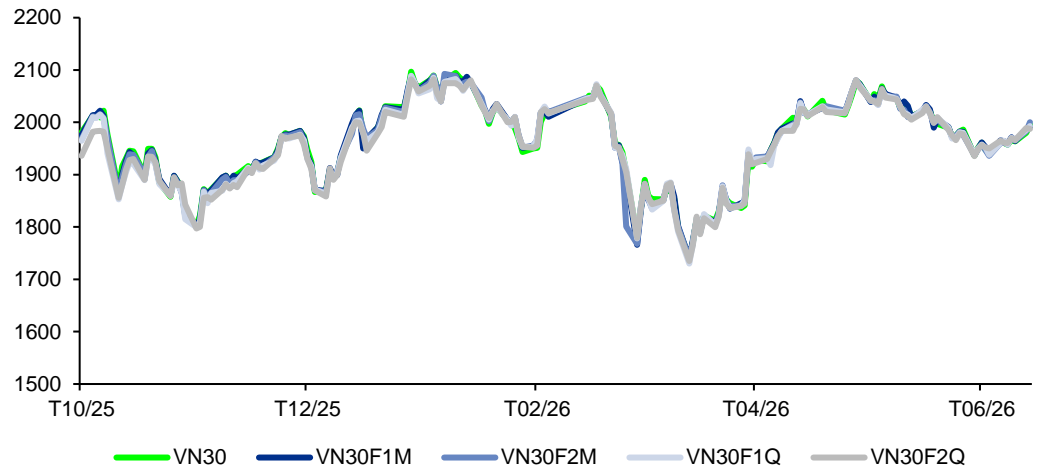
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày



Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.991,4	6,6	0,3%	-3,7
VN30F2M	2.000,5	17,5	0,9%	5,4
VN30F1Q	1.992,9	7,4	0,4%	-2,2
VN30F2Q	1.987,1	-2,4	-0,1%	-8,0
VN100F1M	1.921,0	5,3	0,3%	-7,1
VN100F2M	1.925,0	24,9	1,3%	-3,1
VN100F1Q	1.922,4	15,4	0,8%	-5,7
VN100F2Q	1.925,0	15,1	0,8%	-3,1

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	32.398	3,2%	204,33	30,6%
VN30F2M	277	211,2%	0,43	218,4%
VN30F1Q	598	1,5%	0,09	77,6%
VN30F2Q	660	155,8%	0,64	2476,0%
VN100F1M	35	20,7%	0,04	-28,6%
VN100F2M	1	0,0%	0,00	0,0%
VN100F1Q	17	6,3%	0,01	20,0%
VN100F2Q	5	-16,7%	0,01	50,0%

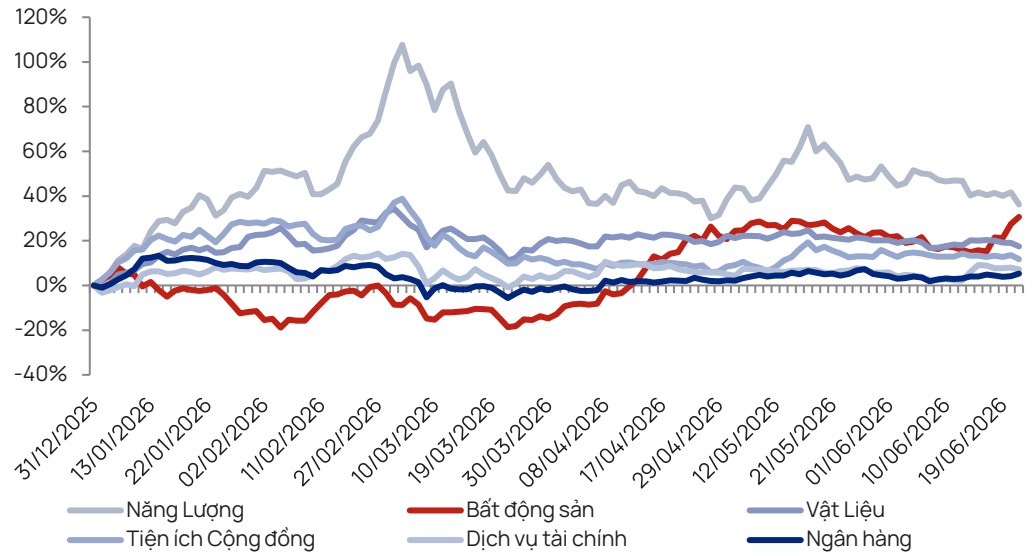


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

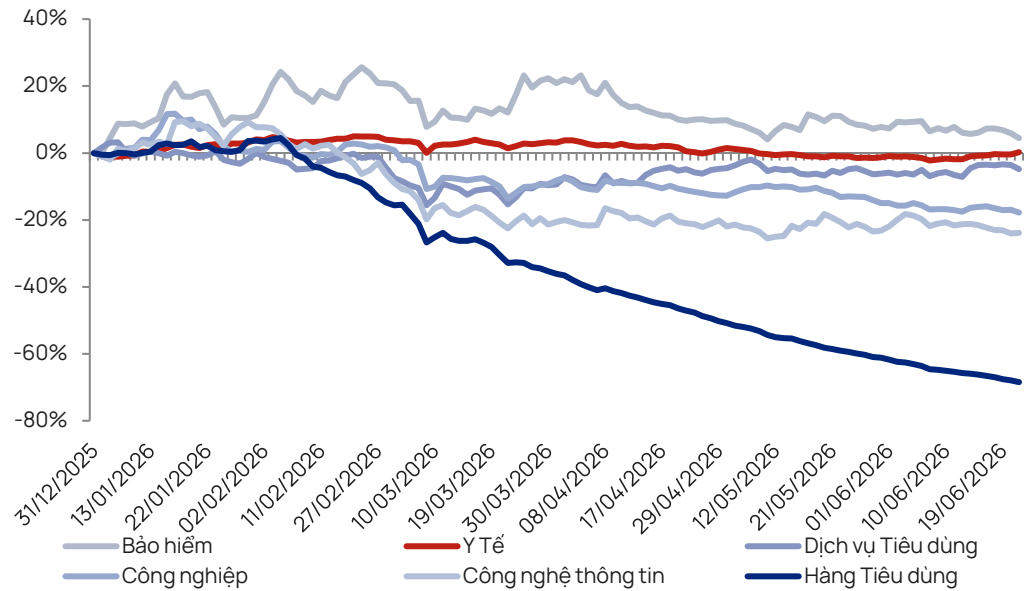
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



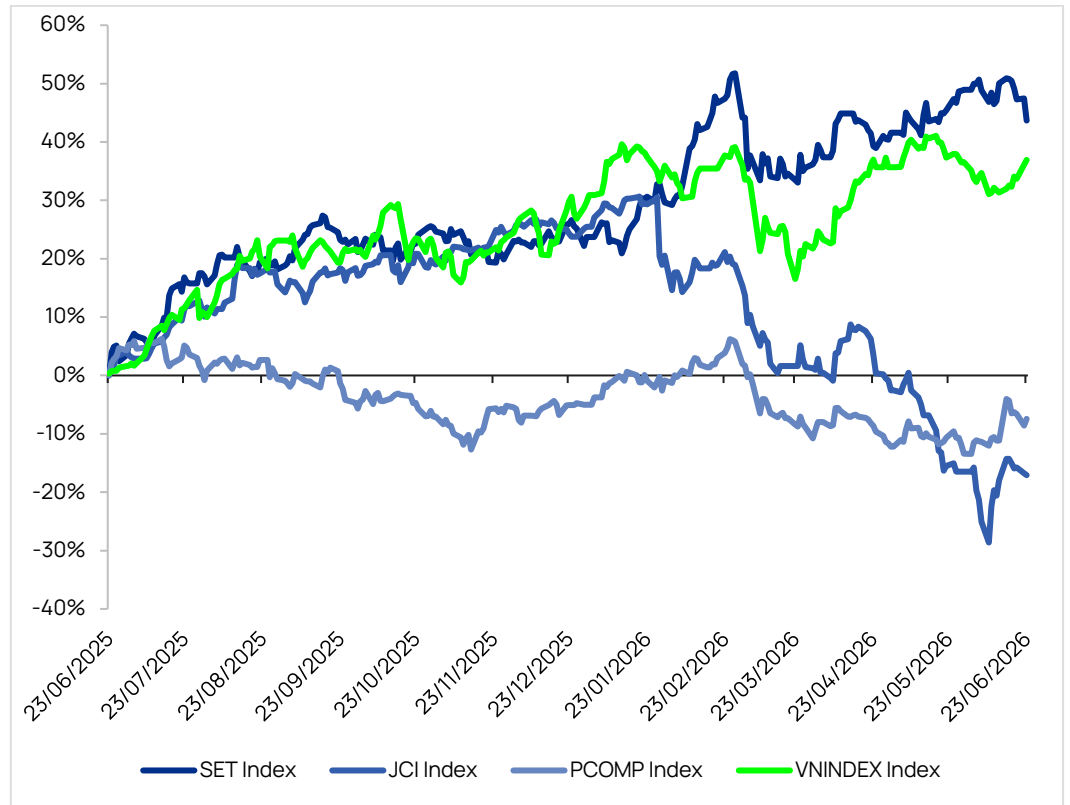
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



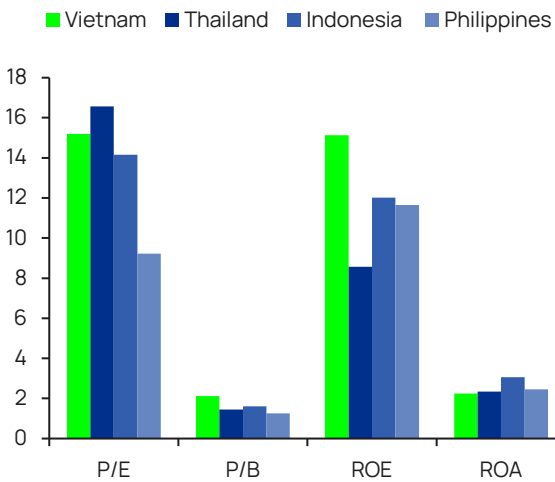
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	16,7	14,4	9,3	14,8
P/B	1,5	1,6	1,3	2,1
ROE (%)	8,6	12,0	11,6	15,1
ROA (%)	2,3	3,1	2,5	2,2
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	615,2	605,5	148,3	322,5
GTGD trung bình, tr USD	1.491,2	1.173,3	82,1	1.020,4
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	837,7	-3.763,1	-201,8	-2.809,2
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	174,5	151,3	33,3	(62,3)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,60%	6,99%	6,57%	4,18%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A - Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516
- Đinh Kiến Vương, Chuyên viên, ext 468

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vinh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước
Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng
Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán - Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc
Phòng Giao dịch Chứng khoán - Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.